

TỈNH ỦY THÁI NGUYÊN  
TRƯỜNG CHÍNH TRỊ

\*

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Thái Nguyên, ngày 30 tháng 3 năm 2020

**ĐIỂM THI**

PHẦN III.2: NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ QLHCNN  
LỚP TCLLCT-HC HỆ KHÔNG TẬP TRUNG KHÓA 47B, TẠI TRƯỜNG

| STT | Họ và tên          | Số<br>BD | Số<br>phách | Điểm<br>thi | Bảng chữ | Ghi chú |
|-----|--------------------|----------|-------------|-------------|----------|---------|
| 1   | Vi Thị Ngọc Châm   | 1        | 27          | 7.5         | Bảy rưỡi |         |
| 2   | Lê Thị Chi         | 2        | 26          | 8.0         | Tám      |         |
| 3   | Hoàng Văn Chung    | 3        | 25          | 8.0         | Tám      |         |
| 4   | Nguyễn Mạnh Cường  | 4        | 36          | 7.0         | Bảy      |         |
| 5   | Trịnh Đức Cường    | 5        | 35          | 7.0         | Bảy      |         |
| 6   | Đào Thị Dân        | 6        | 34          | 7.0         | Bảy      |         |
| 7   | Phạm Mạnh Dũng     | 7        | 33          | 7.5         | Bảy rưỡi |         |
| 8   | Nguyễn Việt Dũng   | 8        | 32          | 7.5         | Bảy rưỡi |         |
| 9   | Đỗ Văn Dũng        | 9        | 31          | 7.5         | Bảy rưỡi |         |
| 10  | Nguyễn Tiến Dũng   | 10       | 42          | 7.0         | Bảy      |         |
| 11  | Đặng Triệu Dũng    | 11       | 29          | 7.0         | Bảy      |         |
| 12  | Đào Ngọc Dương     | 12       | 23          | 7.0         | Bảy      |         |
| 13  | Chu Thị Đỗ         | 13       | 22          | 8.0         | Tám      |         |
| 14  | Lê Hồng Hạnh Giang | 14       | 21          | 7.5         | Bảy rưỡi |         |
| 15  | Nguyễn Sơn Hà      | 15       | 20          | 7.0         | Bảy      |         |
| 16  | Nguyễn Thu Hà      | 16       | 19          | 7.5         | Bảy rưỡi |         |
| 17  | La Thị Việt Hà     | 17       | 30          | 8.0         | Tám      |         |
| 18  | Nguyễn Việt Hải    | 18       | 52          | 7.0         | Bảy      |         |
| 19  | Phạm Bích Hạnh     | 19       | 51          | 8.0         | Tám      |         |
| 20  | Đặng Thị Thúy Hằng | 20       | 50          | 8.0         | Tám      |         |
| 21  | Nguyễn Thu Hằng    | 21       | 49          | 7.5         | Bảy rưỡi |         |
| 22  | Nguyễn Mạnh Hiền   | 22       | 60          | 7.0         | Bảy      |         |
| 23  | Vũ Thị Thiệu Hoa   | 23       | 59          | 8.0         | Tám      |         |



| STT | Họ và tên              | Số<br>BD | Số<br>phách | Điểm<br>thi | Bảng chữ | Ghi chú  |
|-----|------------------------|----------|-------------|-------------|----------|----------|
| 24  | Nguyễn Thị Thanh Hoa   | 24       | -           | -           | -        | Vắng thi |
| 25  | Nguyễn Ngọc Hưng       | 25       | 58          | 7.0         | Bảy      |          |
| 26  | Nguyễn Văn Hưng        | 26       | 57          | 7.0         | Bảy      |          |
| 27  | Lê Thị Thu Hương       | 27       | 56          | 7.0         | Bảy      |          |
| 28  | Nguyễn Thu Hương       | 28       | 55          | 8.0         | Tám      |          |
| 29  | Lê Thu Hường           | 29       | 28          | 8.0         | Tám      |          |
| 30  | Nguyễn Thị Thanh Huyền | 30       | 40          | 8.0         | Tám      |          |
| 31  | Trần Thị Thu Huyền     | 31       | 39          | 8.0         | Tám      |          |
| 32  | Nguyễn Hải Huyền       | 32       | 38          | 8.0         | Tám      |          |
| 33  | Nguyễn Năng Khánh      | 33       | 37          | 8.0         | Tám      |          |
| 34  | Tô Đức Khôi            | 34       | 48          | 7.0         | Bảy      |          |
| 35  | Phạm Hồng Kiên         | 35       | 47          | 6.5         | Sáu rưỡi |          |
| 36  | Đặng Ngọc Lâm          | 36       | 46          | 7.5         | Bảy rưỡi |          |
| 37  | Hoàng Đức Linh         | 37       | 45          | 7.5         | Bảy rưỡi |          |
| 38  | Nguyễn Hoàng Linh      | 38       | 44          | 7.0         | Bảy      |          |
| 39  | Trần Bảo Linh          | 39       | 43          | 7.5         | Bảy rưỡi |          |
| 40  | Dương Thúy Liễu        | 40       | -           | -           | -        | Vắng thi |
| 41  | Nguyễn Thị Tú Loan     | 41       | 54          | 7.5         | Bảy rưỡi |          |
| 42  | Vũ Đình Minh           | 42       | 53          | 7.0         | Bảy      |          |
| 43  | Đặng Thị Kiều Nga      | 43       | 66          | 8.0         | Tám      |          |
| 44  | Nông Trọng Nghĩa       | 44       | 65          | 7.5         | Bảy rưỡi |          |
| 45  | Phạm Trung Nghĩa       | 45       | 64          | 7.0         | Bảy      |          |
| 46  | Nguyễn Thị Nội         | 46       | 63          | 8.0         | Tám      |          |
| 47  | Nguyễn Đăng Phong      | 47       | 62          | 7.0         | Bảy      |          |
| 48  | Dương Văn Phú          | 48       | 61          | 7.5         | Bảy rưỡi |          |
| 49  | Lê Văn Phước           | 49       | 72          | 7.0         | Bảy      |          |
| 50  | Nguyễn Văn Quang       | 50       | 71          | 6.5         | Sáu rưỡi |          |
| 51  | Hoàng Hữu Quý          | 51       | 69          | 7.5         | Bảy rưỡi |          |
| 52  | Nguyễn Thái Nhị Quỳnh  | 52       | 70          | 7.0         | Bảy      |          |
| 53  | Lưu Thị Sa             | 53       | 68          | 7.0         | Bảy      |          |
| 54  | Lương Đức San          | 54       | 67          | 7.0         | Bảy      |          |

| STT | Họ và tên            | Số<br>BD | Số<br>phách | Điểm<br>thi | Bảng chữ | Ghi chú        |
|-----|----------------------|----------|-------------|-------------|----------|----------------|
| 55  | Lê Thị Sen           | 55       | 74          | 7.0         | Bảy      |                |
| 56  | Dương Văn Sỏi        | 56       | 73          | 8.0         | Tám      |                |
| 57  | Lê Thị Kim Thành     | 57       | 41          | 6.5         | Sáu rưỡi |                |
| 58  | Nguyễn Thị Thu Thảo  | 58       | 06          | 6.5         | Sáu rưỡi |                |
| 59  | Ngô Thượng Thiện     | 59       | 05          | 7.0         | Bảy      |                |
| 60  | Lê Đức Thìn          | 60       | 04          | 7.0         | Bảy      |                |
| 61  | Phùng Thị Thủy       | 61       | 03          | 7.5         | Bảy rưỡi |                |
| 62  | Hoàng Thị Thanh Thủy | 62       | 02          | 7.5         | Bảy rưỡi |                |
| 63  | Trương Kim Thuyên    | 63       | 01          | 7.5         | Bảy rưỡi |                |
| 64  | Đào Văn Thuyên       | 64       | 12          | 6.5         | Sáu rưỡi |                |
| 65  | Đặng Ngọc Thư        | 65       | 11          | 8.0         | Tám      |                |
| 66  | Đào Anh Tiến         | 66       | 10          | 7.5         | Bảy rưỡi |                |
| 67  | Hoàng Thanh Trà      | 67       | 09          | 7.5         | Bảy rưỡi |                |
| 68  | Nguyễn Như Trang     | 68       | 08          | 8.0         | Tám      |                |
| 69  | Lê Hải Triều         | 69       | 07          | 7.5         | Bảy rưỡi |                |
| 70  | Luân Sỹ Tùng         | 70       | 18          | 6.5         | Sáu rưỡi |                |
| 71  | Phạm Vũ Hậu          | 71       | 17          | 8.0         | Tám      |                |
| 72  | Phan Anh             | 72       | 16          | 7.0         | Bảy      |                |
| 73  | Dương Mạnh Lương     | 73       | 15          | 7.0         | Bảy      |                |
| 74  | Nguyễn Văn Đào       | 74       | 14          | 7.0         | Bảy      |                |
| 75  | Trần Thị Hải Yến     | 75       | 13          | 8.0         | Tám      |                |
| 76  | Vũ Đình Thi          | 76       | 24          | 8.0         | Tám      | K46KTT-P.III.2 |

**PHÒNG QLĐT&NCKH  
TRƯỞNG PHÒNG**

**Nguyễn Phúc Ái**

**KHOA NN&PL  
TRƯỞNG KHOA**

**Nguyễn Thị Hồng Mây**

**KT. HIỆU TRƯỞNG  
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



**Phạm Minh Chuyên**